

BẢN LUẬN QUYỂN 100

Dưới đây thứ bảy, trong phần giải thích về sự nhận biết khắp, được chia ra năm môn, giải thích theo thứ lớp: đầu tiên là giải thích về sự biết khắp, nghĩa là năm sự như uẩn v.v... tức duyên khởi của uẩn, giới, xứ, phi xứ. Kế là, “Nói Đẳng vận trong biết khắp tội”.

Có chỗ giải thích: “Y cứ ở một, y cứ ở nhiều chúng sinh, hoặc y cứ nhiều thời gian trái phạm chung, gọi là đẳng vận, vì vận chuyển bình đẳng đều trái phạm”.

Lại, giải thích: “Y cứ ở con người, thời gian không nhất định, vì tội đồng nhau, nên gọi là đẳng vận y cứ. Con người thời gian bất định, đều chế lập riêng, gọi là phi đẳng vận.

Thứ ba, là giải thích về người biết khắp. Như văn, rất dễ hiểu.

Thứ tư, là giải thích về nghĩa lợi dẫn nhiếp, nói là đủ năm chi trong biết khắp:

1. Chân thật.
2. Hay dẫn nghĩa lợi.
3. Thời gian thích hợp.
4. Có bạn.
5. Lìa phá tăng.

Thứ năm, là giải thích về biết khắp tổn não. Tìm đọc văn sẽ hiểu.

Thứ tám, là giải thích về tín, bất tín. Trước nói về tín. Sau chỉ rõ trái lại là bất tín.

Trong phần trước chia ra, năm môn, giải thích theo thứ lớp: Bốn văn trước là y cứ địa Thanh văn.

Y cứ tranh cãi trong văn thứ năm, so sánh tướng của văn dưới.

1. Phẫn, hận.
2. Phú, kiêu, mạn.
3. Tham dục hoặc cưỡng siểm (lừa đảo, nịnh bợ)
4. Không có tâm, quý, nên phạm giới.
5. Tán loạn hoặc hôn trầm.
6. Điều cử hoặc ác tuệ.

Nếu theo thuyết-ma di nói về căn bản tranh cãi có sáu: 1- Giận dữ, 2- Náo hại, 3- Đối trá, 4- Keo kiệt, ghanh tị, 5- Kiến thủ, 6- biên Kiến, tà kiến.

Thứ chín, là giải thích năm lực, như văn, rất dễ hiểu.

Thứ mười, là giải thích về phẩm loại khác nhau của năm người,

tức là lần “Lại nữa” đầu tiên của môn chữ “Đẳng” trong bài tụng.

Thứ mười một, là giải thích về ba thứ tà, hạnh, là lần “Lại nữa” thứ hai trong chữ “Đẳng”.

Bài tựa của Bản mẫu sự, nói về nhiếp: Trên đây, đã nói các thứ phân biệt Ma-đát-lý-ca của hai tạng kinh, luật. Kế đây, sẽ nói về phân biệt pháp tướng Ma-đát-lý-ca của A-tỳ-đạt-ma. Do dựa vào pháp tướng, hỏi đáp phân biệt. Vì các thứ nghĩa văn đều phân biệt pháp tướng đó mà xuất hiện, nên gọi là Bản mẫu. Hoặc tạng Đối pháp sinh ra, yếu nghĩa của hai bài tụng còn lại, nên gọi là sự Bản mẫu. Trước nêu danh tự. Sau, giải thích tên, nói. Do bài tựa này, nói vì gồm thu chung tất cả các pháp, nên gọi là nhiếp. Hoặc vì nghĩa mà bài tựa nói gồm thu trong văn này, nên gọi là tựa.

Trong phần nói về văn gồm thu, đầu tiên, trước kết, sau hỏi. Kế là giải thích. Sau, trong kết giải thích.

1- Nêu chung cương yếu, để làm cho sự giải thích được tường tận.

2- Nêu bài tụng, chính là giải thích, trong phần trước, nói là nếu Tồ-đát-lãm Ma-đát-lý-ca, nếu Tỳ-nại-da Ma-đát-lý-ca, lược chung, gọi là một Ma-đát-lý-ca v.v... nghĩa là dù ở hai tạng kinh, luật, nghĩa hỏi, đáp khác, đồng, có sinh ra đạo lý nghĩa văn, nhưng lược chung gọi là một Ma-đát-lý-ca”.

Hỏi: “Hỏi, đáp, phân biệt ở hai tạng trước, tức gồm thu Ma-đát-lý-ca của Bản mẫu đã hết, vì sao lại nói là Ma-đát-lý-ca thứ ba ư?” Dưới đây Bồ-tát Di-lặc tự giải thích để thông qua vấn nạn trên:

Lại, không có Ma-đát-lý-ca riêng. Nhưng vì đại khái gồm thu nói pháp xen lẫn tạp nhiễm, thanh tịnh của lưu chuyển, hoàn diệt, nên hôm nay, Ta-lại nói phân biệt pháp tướng Ma-đát-lý-ca”.

Trong phần nêu tụng để giải thích, có hai bài tụng. Nửa trên trong bài tụng trước, chính là nói về phương thức giải thích nghĩa. Nửa bài tụng dưới, chính là nói về bài tựa, giải thích trước sau.

Phần Văn xuôi được chia làm hai: Trước, giải thích nửa bài tụng trên, sau, “Đại khái do hai tướng” v.v... trở xuống, giải thích nửa tụng dưới, trong đó có hai lượt giải thích; trước, là nói về sự tịnh, giải thích rộng. Sau, lược nói làm năm việc, giải thích rộng.

Phần trước, đầu tiên, là nói về sự của phẩm tạp nhiễm lưu chuyển, lược nêu hai mươi hai thứ.

Nói “Do lìa đục riêng cõi thiện, đường ác, vì chiêu cảm dẫn thú hưởng có khác nhau”, nghĩa là giải thích thành mười thứ.

Có nghĩa: là ‘Do lia riêng cõi Dục, đường thiện có hai, đường ác có ba là năm. Nghiệp hữu chiêu cảm dẫn chung ba cõi lại làm một. Trung hữu thú hưởng chung một, hai cõi dưới, về sau làm hai, thêm vào năm cõi trước thành bảy, chung cho ba cõi trước thành mười.

Nếu bốn được sự tự thể, nghĩa là có được tự thể, tự hại được làm, người khác hại không làm. Hoặc kẻ khác hại được làm, hại tự mình không làm, đều được làm, đều không được làm.

Nếu là sự của bốn pháp thọ:

1/ Hiện tại thọ pháp hữu, thọ vui ở đời đương lai, thọ khổ ở Di thực.

2/ Thọ pháp hữu ở hiện tại, thọ niềm vui ở đương lai, thọ niềm vui ở Di thực.

3/ Thọ pháp hữu ở hiện tại, thọ niềm vui ở đương lai, thọ niềm vui ở Di thực.

4/ pháp hữu thọ hiện tại, thọ khổ ở thời đương lai, thọ khổ Di thực.

Sự của phẩm thanh tịnh hoàn diệt, nêu mười chín thứ sự.

Nếu là sự của bảy chánh pháp, Luận sư Cảnh nói: “Rằng biết pháp, biết nghĩa, biết thời gian, biết so lường, biết chúng, biết mình biết cao thấp.”

Pháp sư Thái nói: “Sự bảy chánh tác ý, phải cứu xét Thích luận. Việc như thế v.v... nói rộng như trước đã nói trong các địa kia, nghĩa là đã nói trong Bản địa phần và các nhiếp phần, nên biết tướng kia, nghĩa là gồm thấu giải thích, môn khác trong phần nhiếp sự, nên biết tướng đó.

Trong lượt thứ hai, thế nào là dựa vào sự bài tựa đã tóm lược như thế, về sau sẽ nói rộng cho đến bốn phẩm loại khác nhau v.v... Trong bốn môn này, ba môn trước chỉ đồng với thuyết trước, chỉ giải thích về phẩm loại khác nhau.

“Lại có tám thứ v.v... trở xuống, là theo thứ lớp, giải thích riêng từng thứ.

Thật có, nghĩa là tức pháp nhân duyên của tánh y tha là có thật, chẳng phải không.

Quả giả có, cái gọi là trạch diệt, là quả đạo, nên chẵn thể nói không. Nhưng chẳng phải có thật v.v... nghĩa là trong nghĩa Đại thừa, chỉ chân như là thật. Ba vô vi v.v... chỉ giả kiến lập, nghĩa ấy rất dễ hiểu. Lại do bốn thứ khác, không khác nên lập tánh khác, không khác, cho đến bốn thứ vì do thời gian riêng, không riêng. Đây là nêu bốn

đanh. “Nếu tướng” khác của các pháp sở nhân v.v... khác nhau có thể được cái khác ở chỗ đây với chỗ khác, là giải thích chung bốn thứ riêng. Nếu không có tướng “khác” thì trước đây và sau sẽ “khác” không khác với hiện tại, nghĩa là sẽ không có nghĩa riêng trong giải thích chung bốn thứ.

Dưới đây, trong giải thích riêng, trước giải thích về thời gian thứ tư, phân biệt, không có riêng.

Nói thời gian phân biệt, nghĩa là tất cả hành v.v... rất dễ hiểu.

“Do pháp kia làm hạt giống, mà pháp này được sinh, nói là sở nhân”, nghĩa là đều phát ra sở nhân, giản lược không giải thích nghĩa riêng, không riêng. Sở y và tác dụng cũng thế.

Nói “cõi Sắc cho đến có mười bảy địa”, nghĩa là về phán quyết địa trong cõi Sắc nhiều hay ít, nghĩa ấy không nhất định. Hoặc nói là mười sáu địa. Sơ thiên là hai, vì Đại Phạm vương đồng với xứ của trời Phạm Phụ. Hai thiên là hai, vì Đại Phạm vương đồng với xứ của trời Phạm Phụ. Hai thiên, Ba thiên đều có ba thành sáu. Bốn thiên cũng có tám, nghĩa là Phước sinh, Phước ái, Quảng quả và năm Tịnh cư, vì trời vô tướng không có Trú xứ riêng chỉ thọ, riêng báo không có tâm trong trời Quảng quả là khác.

Hoặc nói mười bảy, nghĩa là Đại Phạm Vương dù đồng ở Phạm Phụ, mà vẫn có Phạm Phụ khác, khác với chiều dọc trên đài cao, lập riêng làm một, nên luận này nói rằng, bốn tinh lự và trung gian tinh lự có mười bảy địa. Hoặc có kinh, luận nói: “Ở trời Quảng Quả chia ra Vô tướng, hợp với vua Phạm mà nhập Phạm Phụ. Cũng thành mười bảy hoặc có hai xứ đều chia ra nên thành mười tám”

Ở đời hiện tại có Sát na hiện tại, có chúng đồng phần hiện tại, nghĩa là đối với đời sống quá khứ, vị lai, nói hiện tại. Một thân hiện tại, gọi là chung là chúng đồng phần hiện tại.

Có nối tiếp nhau chưa diệt hiện tại: tức một thân này, niệm trước, niệm sau nối tiếp nhau chưa diệt, gọi là hiện tại. Nếu dựa vào sắc pháp sinh khởi, tức ở chỗ đó nói là có nơi chốn v.v... nghĩa là tâm pháp bốn uẩn dựa vào sắc uẩn khởi, theo xứ sắc đó, nói là có nơi chốn, như nói tâm người phương Tây, tâm người phương Đông v.v... Đây là do dựa vào sắc đổi thay tướng, gọi là phương, chứ chẳng phải tự thể tâm chiếm cứ nơi chốn ấy mà gọi là nơi chốn. Vì các sắc đủ cả hai, nên gọi là phương: 1) Dựa vào sắc chuyển. 2) Y cứ ở nơi chốn.

Nối tiếp nhau có bốn, nghĩa là căn, cảnh của mình, người. Hai thứ trước là giả, hai thứ sau là thật. Kế là, có một bài tụng nêu sáu môn:

1- Nhóm.

- 2- Thuộc nhau.
- 3- Thành tựu v.v...
- 4- Tự tánh v.v...
- 5- Nhân v.v...
- 6- Nói rộng về địa v.v...

Trong giải thích của văn xuôi, 1) Giải thích về môn tụ. Pháp sư Thái nói: “Nay theo Đại thừa nói, nếu sự ăn năn không có gián đoạn và căn lành nối tiếp thì môn tụ sau chẳng phải là nhóm tà định, chỉ vì luận chủ nói chưa ăn năn không có gián đoạn, vì gốc lành chưa nối tiếp, nên gọi là Tà định”.

“Nêu biết rằng v.v... trở xuống, là thứ hai, giải thích về nhiếp thu nhau, v.v... tương ứng với đẳng thủ.

“Hoặc có một loại v.v... trở xuống, là thứ ba, giải thích về thành tựu v.v... Được bỏ của đẳng thủ v.v...”

Lại “Tất cả pháp, mỗi một tự tánh v.v...” trở xuống, là thứ tư, giải thích về tự tánh v.v... ; tác dụng của đẳng thủ v.v...

Lại, chẳng phải tự tức tự tánh sát na này làm nhân cho tự tánh sát na này.

Thứ năm, là giải thích về nhân v.v... “Nói rộng Ớt-đà-nam của địa rằng trở xuống, là giải thích môn thứ sáu.

Có hai bài tụng nêu mười tám môn: 1) Các địa. 2) Các y. 3) Đế. 4) Trí. 5) Gia hạnh. 6) Tam-ma-địa. 7) Căn. 8) đạo. 9) Đối trị. 10) Hạnh. 11) Tu tập. 12) Pháp hữu lậu, vô lậu. 13) Các quả. 14) các nhân. 15) Duyên. 16) Lập Bồ-đặc-già-la. 17) Biến tri. 18) Rốt ráo.

Trong văn xuôi nói: “Lại có chín y cho đến “Trừ hữu thứ nhất”, nghĩa là một bộ Du-già chỉ một văn này nói là Trung gian thiền, có vô lậu có công năng dứt hết các lậu”, lại có sáu thứ biến tri.

1- Địa bất định với trí đế hữu lậu, nghĩa là khổ, Tập. Tận của cõi Dục, lập một biến tri.

2- Biến tri của địa định hữu lậu, nghĩa là khổ, tập của hai cõi trên, “hoặc” phẩm hạ dứt hết, lại lập một biến tri.

3- Biến tri của Đế vô lậu, vô vi, nghĩa là diệt của ba cõi, “hoặc” phẩm hạ dứt hết, lập chung một biến tri.

4- Biến tri của đế hữu vi vô lậu, nghĩa là đạo của ba cõi, “hoặc” phẩm hạ dứt hết, lập chung một biến tri.

5- Biến tri thuận kiết phần dưới.

6- Biến tri thuận với kiết phần trên. Rất dễ hiểu đây là tùy theo nghĩa mà nói, không y cứ thật để luận. “Hoặc chỉ có hai”, nghĩa là nhập

kiến đạo chứng quán chân như, dứt trừ chung “hoặc” phẩm hạ của bốn đế ba cõi, hợp lập một biến tri. Người này được Sơ quả rồi, hàng phục chín phẩm tu hoặc của chín địa, dứt chung, siêu việt chứng La-hán. Lại tập biến tri thứ hai, tất cả kiết đều dứt hết.

Hoặc chỉ lập bốn biến tri, nghĩa là nhập kiến đạo, lập một biến tri như trước. Ở tu đạo theo thứ lớp, dứt trừ dần tu hoặc của ba cõi, lập ba biến tri, thêm một biến trước thành bốn.

Nếu là nghĩa chung, thật sự theo nghĩa mà nói, tức có đa số, hoặc nói là hai, như trước đã nói. Hoặc nói là ba biến tri, nghĩa là kiến đạo lập một, tu đạo lập hai: Kiết phần dưới hết, kiết phần trên hết. Hoặc nói có bốn kiến tri, thêm ái sắc hết. Hoặc nói có năm, nghĩa là bốn trong kiến đạo như văn. Tu đạo có một, nghĩa là chứng siêu việt La Hán. Hoặc nói có sáu, như văn này. Hoặc nói có bảy, nghĩa là bốn trong Kiến đạo, ba trong tu đạo hoặc nói có tám, nghĩa là Kiến đạo lập sáu, tu tập lập hai, trừ ái sắc hết. Hoặc nói có chín, thêm ái sắc hết.

“Như thế, lược dẫn trở xuống, là kết gần bài tựa sự của Bản Mẫu, nói về nhiếp thọ, khuyến thỉnh các học giả, nên chuẩn y theo đây để biết. ngoài ra, nói biến hành tất cả Ma-đát-lý-ca, như Nhiếp thích phần, nên biết tướng ấy. Nói chung Ma-đát-lý-ca của kinh, luật, chỉ như Nhiếp Thích phần.

“Giáo pháp của Đức Như lai, số không có giới hạn, so lường cho đến “Nên giác biết chân chính, rõ ràng”, nghĩa là trong Nhiếp Sư phần có ba: Đầu tiên, là trước kiết sau sinh. Kế chính quyết định lựa chọn. Sau, kết khuyên nên hiểu rõ. Đây là đúc kết khuyên thứ ba, hoặc nói là Tổng kết một Bộ.

